

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 179/2024/DS-ST.

Ngày: 09/9/2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Chí Sĩ;

2. Ông Phạm Tuấn;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 868/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 451/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 492/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ F, ấp F, xã L, huyện B, tỉnh Long An, là nguyên đơn. Người đại diện hợp pháp của anh Lê Thanh T là chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996; Địa chỉ: số B, quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2023).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Toàn T1, sinh năm 1976;

Chị Phạm Thị Kiều M, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Q, anh T, chị M, có mặt tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Thanh T ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q thống nhất trình bày:

Ngày 22/6/2020, anh Lê Thanh T và anh Nguyễn Toàn T1, chị Phạm Thị Kiều M có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp đối với phần đất và nhà tại thửa đất số 300, diện tích 696m², tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng xong, anh T đã giao đủ tiền cho anh T1 và chị M đồng thời anh T1, chị M đã giao bản chính giấy tờ nhà, đất cho anh T thực hiện thủ tục sang bộ. Tuy nhiên, anh T1, chị M hỏi xin anh T cho lưu trú một thời gian để tìm chỗ ở mới rồi sẽ dọn đi. Vì khi đó anh T chưa có sử dụng nhà, đất nên đồng ý. Sau đó, anh T có nhiều lần yêu cầu anh T1, chị M di dời tất cả tài sản trong nhà và trả lại nhà, đất lại cho anh T nhưng anh T1, chị M cố tình tránh né không thực hiện.

Nay, anh Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết yêu cầu: Buộc anh Nguyễn Toàn T1 và chị Phạm Thị Kiều M di dời toàn bộ tài sản của anh T1, chị M có trên đất và giao trả cho anh Lê Thanh T phần đất 696m² và căn nhà cấp 4 trên đất, thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa anh T với chị M, anh T1 là giao dịch dân sự vô hiệu. Đồng ý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh T để cấp lại cho chị M. Buộc anh T1, chị M liên đới trả số tiền 1.467.720.000 đồng, trong đó tiền vốn là 900.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày 22/11/2020 (ngày không tiếp tục đóng lãi) đến ngày 22/01/2024 (ngày nộp đơn khởi kiện) thành tiền 567.720.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong.

Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 22/6/2020, các bên thỏa thuận tiền lãi 03%/tháng. Từ khi vay đến nay anh T1, chị M đã trả 05 tháng tiền lãi với số tiền 135.000.000 đồng (từ tháng 06/2020 đến tháng 11/2020), từ đó đến nay anh T1, chị M không đóng tiền lãi và trả tiền vốn. Mục đích các bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để đảm bảo cho khoản vay nêu trên. Anh T hoàn toàn không biết đất ở đâu và đất do ai trực tiếp quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 08, hiện nay anh T đang quản lý không cầm cố, thế chấp cho ai.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh T1, chị M trả tiền vốn vay 900.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 22/6/2020 đến ngày 09/9/2024, theo mức lãi 10%/năm và tiếp tục tính lãi sau ngày 09/9/2024 sau khi đã trừ 135.000.000 đồng tiền lãi anh T1, chị M1 đã trả, tổng cộng 1.144.500.000 đồng.

- Theo đơn xin hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 21/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Phạm Thị Kiều M, anh Nguyễn Toàn T1 thống nhất trình bày:

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C có nguồn gốc là của ông Phạm Ngọc C, bà Lê Thị Bé H (cha, mẹ chị M) tặng cho chị M năm 2017. Khi làm thủ tục tặng cho có ký hợp đồng theo quy định của pháp luật. Thực tế cha, mẹ chị M chỉ làm thủ tục tặng cho theo quy định, nhưng người trực tiếp sử dụng nhà, đất do cha, mẹ chị M trực tiếp sử dụng.

Ngày 22/6/2020, anh T1 có vay tiền của anh T số tiền 900.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận. Thực tế anh T1 nhận số tiền sau khi trừ đi 10% tiền dịch vụ và tiền lãi của tháng đầu tiên. Các bên thỏa thuận lãi là 3%/tháng. Từ khi vay đến nay anh T1 đã trả cho anh T được 05 tháng tiền lãi, từ đó đến nay anh T1 không trả tiền lãi cho anh T, lý do anh T1 làm ăn thua lỗ. Mục đích anh T1 vay tiền để kinh doanh mua bán bất động sản.

Để đảm bảo khoản vay thì ngày 22/06/2020, anh T1, chị M có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 300, tờ bản đồ số 08. Các bên thỏa thuận bằng miệng chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo khoản vay mà thực tế các bên không tiến hành giao đất, giao nhà theo quy định vì tại thời điểm chuyển nhượng người trực tiếp sử dụng đất ông Phạm Ngọc C, bà Lê Thị Bé A (cha, mẹ vợ của anh T1) là người sử dụng đất.

Nay, chị Phạm Thị Kiều M, anh Nguyễn Toàn T1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/6/2020 giữa chị M, anh T1 với anh T và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã cấp cho anh T và cấp lại cho chị M.

Chị M, anh T1 đồng ý trả số tiền vốn 900.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020. Chị M, anh T1 không đồng ý trả tiền lãi vì: hiện nay, chị M, anh T1 không có khả năng để trả tiền lãi. Trong quá trình vay tiền thì chị M, anh T1 đã trả tiền lãi cho anh T nhiều lần.

Hiện nay, chị M vẫn sống chung với anh T1, thực tế anh T1 đang sinh sống ở xã T, huyện B, tỉnh Long An, khoảng 01 tháng anh T1 về nhà 01 lần. Anh T1 biết rõ nội dung khởi kiện của anh T tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa anh T, chị M thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đã ký kết ngày 22/6/2020 vì đây là giao dịch giả tạo nhằm che giấu giao dịch dân sự vay tài sản được ký ngày 22/6/2020 giữa anh T và anh T1. Anh T1, chị M thừa nhận có vay anh T số tiền 900.000.000 đồng, đã trả 135.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền vốn 900.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020, các bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh T1, chị M trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm. Do đó, căn cứ các Điều 122, 124, 131, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết yêu cầu: Buộc anh Nguyễn Toàn T1 và chị Phạm Thị Kiều M di dời toàn bộ tài sản của anh T1, chị M có trên đất và giao trả cho anh Lê Thanh T phần đất 696m² và căn nhà cấp 4 trên đất, thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/6/2020 giữa anh T với chị M, anh T1 là giao dịch dân sự vô hiệu. Đồng ý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh T để cấp lại cho chị M. Buộc anh T1, chị M liên đới trả số tiền 1.144.500.000 đồng, trong đó tiền vốn là 900.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 22/6/2020 đến ngày 09/9/2024, trừ số tiền lãi đã trả 135.000.000 đồng, thành tiền 244.500.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong. chị Phạm Thị Kiều M, anh Nguyễn Toàn T1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/6/2020 giữa chị M, anh T1 với anh T và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã cấp cho anh T và cấp lại cho chị M. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu của anh T yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/6/2020 giữa anh T với chị M, anh T1 là giao dịch dân sự vô hiệu, hội đồng xét xử nhận định: Anh T cung cấp cho Tòa án hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị M, anh T1 với anh T được công chứng ngày 22/6/2020, tại Phòng C2. Chị M, anh T1 thừa nhận có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/6/2020. Anh T, chị M, anh T1 thừa nhận bản chất của việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/6/2020 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020 vay số tiền 900.000.000 đồng. Anh T, chị M, anh T1 thống nhất tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/6/2020 giữa anh T với chị M, anh T1 là giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/6/2020 giữa anh T với chị M, anh T1 là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 122, Điều 124, Điều 131, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[5] Xét yêu cầu của anh T yêu cầu anh T1, chị M liên đới trả số tiền 1.144.500.000 đồng, trong đó tiền vốn là 900.000.000 đồng, hội đồng xét xử nhận định: Ngày 22/6/2020, anh T có cho anh T1 vay số tiền 900.000.000 đồng, khi

vay có làm hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020, anh T1 thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay tiền. Anh T đã cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020 đã đối chiếu bản chính. Anh T1, chị M thừa nhận có vay của anh T số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ngày 22/6/2020, anh T1, chị M có vay của anh T số tiền 900.000.000 đồng là có thật. Do đó, buộc anh T1, chị M có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền vốn 900.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu của anh T yêu cầu anh T1, chị M liên đới trả tiền lãi đối với số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 22/6/2020 đến ngày 09/9/2024 với lãi suất 10%/năm, trừ số tiền lãi đã trả 135.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong, Hội đồng xét xử nhận định: Theo hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 03%/tháng. Anh T, anh T1, chị M thừa nhận từ khi vay anh T1, chị M đã trả được 135.000.000 đồng tiền lãi (05 tháng). Theo hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2020 là hợp đồng vay có lãi, vay có thời hạn. Anh T1 thừa nhận sau khi đóng tiền lãi được 05 tháng, sau đó anh T1 không có khả năng đóng tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T1, chị M liên đới trả tiền lãi từ ngày 22/6/2020 đến ngày 09/9/2024 với lãi suất 10%/năm, sau khi đã trừ 135.000.000 đồng tiền lãi đã trả, thành tiền 244.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc anh T1, chị M liên đới trả 900.000.000 đồng tiền vốn, 244.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.144.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của anh T. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng ngày 22/6/2020 giữa chị M, anh T1 với anh T là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều Điều 122, 124, 131, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc anh T1, chị M có nghĩa vụ trả cho anh T 900.000.000 đồng tiền vốn, 244.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.144.500.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[9.1] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự anh T1, chị M phải chịu 46.335.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M, anh T1 đã nộp theo biên lai số: 0008706 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, anh T1, chị M còn phải nộp tiếp số tiền 46.035.000 đồng. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 1.566.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004563 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

[9.2] Ngoài ra, anh T1, chị M phải chịu 4.390.945 đồng chi xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do anh T đã nộp và chi xong nên anh T1, chị M phải nộp để trả lại cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 117, Điều 122, Điều 124, Điều 131, Điều 288, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 26, Điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh T.
- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng ngày 22/6/2020 tại Phòng C1 giữa anh Lê Thanh T với chị Phạm Thị Kiều M, anh Nguyễn Toàn T1 là giao dịch dân sự vô hiệu.
- Buộc anh Nguyễn Toàn T1, chị Phạm Thị Kiều M liên đới trả cho anh Lê Thanh T số tiền 1.144.500.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).
- Đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất theo đo đạc thực tế 625,2m² (đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa 300, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Lê Thanh T để cấp lại cho chị Phạm Thị Kiều M.

- Chị Phạm Thị Kiều M có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:
 - + Anh Nguyễn Toàn T1, chị Phạm Thị Kiều M phải chịu 46.335.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M, anh T1 đã nộp theo biên lai số: 0008706 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, anh T1, chị M còn phải nộp tiếp số tiền 46.035.000 đồng.
 - + Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 1.566.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004563 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.
 - + Anh Nguyễn Toàn T1, chị Phạm Thị Kiều M phải chịu 4.390.945 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Do anh T đã nộp và chi xong nên anh T1, chị M phải nộp để trả lại cho anh T.

- Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà